

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 12 – 2020
V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2020/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ch, năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Ch có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày tháng năm 2020 và tại các lời khai tại Tòa án anh Nguyễn Văn H (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ch chung sống từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay không có tiến hành đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hàn gắn

hiều lần nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Do đó, anh yêu cầu ly hôn với chị Ch.

Về con chung: Anh và chị Ch có con chung là Nguyễn Kim M, sinh ngày 24.02.1998, hiện đã đủ tuổi đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Ch không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Ch không có nợ chung, không có thiếu nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Ch (Bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng đến nay không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì có nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, hàn gán nhiều lần nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân đến nay. Chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có con chung là Nguyễn Kim M, sinh ngày 24.02.1998, hiện đã đủ tuổi đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh H không có nợ chung, không có thiếu nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì anh H có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của anh H đã được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Anh H và chị Ch có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị Ch theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tranh chấp giữa anh H và chị Ch là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H và chị Ch có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Anh H và chị Ch chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H và chị Ch có ý kiến đồng ý ly hôn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử xét thấy, anh H và chị Ch không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Ch không có giá trị pháp lý; Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa anh H và chị Ch là vợ chồng.

Về con chung: Anh H và chị Ch thống nhất con chung là Nguyễn Kim M, sinh ngày 24.02.1998, hiện đã đủ tuổi đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh H và chị Ch thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ thu, nợ trả: Anh H và chị Ch xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ chồng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh H phải nộp án phí số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Ch là vợ chồng.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005887 ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Anh H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng